

ANH-THƠ

ANH-THƠ tên thật là Vương kiều n (Vương là họ cha, Kiều là họ mẹ) sinh năm 1919 tại tỉnh Ninh-giang (Bắc-phần).

Cha là một công chức, làm Đì-lại Hành-chánh Nam-triều. Anh-Thơ học chưa quá cấp tiểu học mà đã phải thay đổi trường ba lần, Hải-dương, Thái-bình, rồi Bắc-giang. Bỏ học rất sớm, lại thích văn-chương, Anh-Thơ bước vào làng thơ tiền-chiến khoảng năm 1936, giai đoạn thơ mới đang thời kỳ vàng son.

Lúc đầu Anh-Thơ lấy bút hiệu Tuyết-Anh (thơ đăng trong báo Phương đông của Lan-Khai 1936), rồi Hồng-Anh, sau đổi lại là Anh-Thơ và cũng là bút hiệu chính thức và cuối cùng của tác giả Bức tranh quê.

Anh-Thơ đã từng cộng tác trên nhiều tạp chí xuất bản tại Hà-nội trong khoảng thời gian từ năm 1938 đến 1943, như :

Tiêu thuyết thứ năm — Ngày nay — Hà-nội báo — Phụ nữ — Bạn đường v.v...

Về thi-ca, Anh-Thơ chỉ có hai tập thơ được xuất bản, đó là: Bức tranh quê và Xưa. Tập Bức tranh quê do nhà Đời Nay Hà-nội ấn hành năm 1941, tập thơ Xưa là tập thứ hai, Anh-Thơ cùng soạn với Bằng bá Lân, do nhà xuất bản Sông Thương Bắc-giang ấn-hành vào cuối năm 1941.

Ngoài hai tập thơ trên, nữ sĩ Anh-Thơ còn viết một quyển tiểu thuyết thuộc loại đồng quê lấy tên Rừng đen, do nhà xuất bản Nguyễn-Du ấn hành tại Hà-nội năm 1942.

Với hai tập thơ và một tiểu thuyết là sự nghiệp văn chương của nữ sĩ Anh-Thơ, vì từ đó đến nay, không ai thấy Anh-Thơ cộng tác cho tạp chí nào, cũng như không hề có tác phẩm nào khác.

Điều đáng ghi nhất đối với thi nghiệp của nhà thơ đất Ninh-giang là năm 1939, trong một cuộc thi sáng tác văn chương do nhóm Tự lực văn đoàn tổ chức gồm nhiều bộ môn như kịch, thơ, truyện ngắn, truyện dài, hồi ký, phóng sự v. v... tập thơ Bức tranh quê, nữ-sĩ Anh-Thơ đã đoạt giải khuyến khích về bộ môn thi ca cùng với tập thơ Nghẹn ngào của Tề-Hạnh, một nhà thơ miền Trung khá nổi tiếng trong phái mới.

Về khuynh hướng thơ, nữ sĩ Anh-Thơ không giống như hầu hết các nhà thơ đương thời lấy tình yêu làm động lực chính, lấy sự ủy mị của tình cảm, sự gào thét của dục vọng làm yếu tố, ngược lại Anh-Thơ đã tạo thơ mình bằng một sắc thái riêng biệt, độc đáo: lấy thiên nhiên làm bối cảnh, lấy nếp sống nông thôn làm đề tài chính và lấy phong tục của miền thôn dã làm nguồn sáng tác.

Chính vì những điểm khác biệt ấy mà Anh-Thơ đã chiếm một chỗ ngồi khá vững trên thi đàn.

Ngày xưa, khi Anh-Thơ vừa góp mặt vào làng thơ tiền chiến bằng những bài thơ ghi lại nếp sống nông thôn, tả những hình ảnh thiên nhiên, những sinh hoạt sống thực của miền thôn dã thì đã có một số người chỉ trích, cho rằng thơ của Anh-Thơ không hợp với đường lối của số người trẻ đương thời. Tuy nhiên, đối với lập luận ấy, Anh-Thơ vẫn coi thường và không

thay đổi ý định trong đường lối sáng tác của mình, bằng chứng cụ thể là sau đó không bao lâu tập thơ Xưa (viết chung với Bằng bá Lân) được chào đời trong sự âm thầm gần như hờ hững của giới trẻ theo Âu-học. Những người yêu thơ lúc bấy giờ thích những tiếng kêu gào ái tình, sự thèm muốn yêu đương của những nhà thơ Xuân-Diệu, Lưu-trọng-Lưu, Hồ-Đức-th, v.v.... Bởi thế, Anh-Thơ cũng như những nhà thơ ít ca tụng hoặc không ca tụng ái tình đều được ít người biết đến như một Minh-Tuyên, một Trần Huyền-Trân v. v...

Ngày nay, thời gian đã khá lâu, người ta không còn nghe giọng thơ của nhà thơ đất Ninh-giang nữa và cũng không hiểu vì sao Anh-Thơ lại im tiếng; sự sống còn của nhà thơ nay cũng không được ai nhắc nhở nếu không báo là đã bị lãng quên trong tiềm thức.

Tuy nhiên, dù sao ta cũng phải nhận rằng Anh-Thơ đã có một cái gì để hãnh diện trong sự nghiệp thi ca của mình.



THÁNG 11, năm 1942, từ khi Hoài-Thanh và Hoài-Chân, hai nhà phê bình văn học đất Thần-kinh — cho ra đời tập phê bình văn học Thi nhân Việt-nam, trong đó hai ông đã giới thiệu Anh-Thơ và phê-bình nhà thơ này một cách đơn sơ. Từ dạo ấy đến nay, các nhà phê bình văn học ở đây gần như quên lãng Anh-Thơ, không mấy ai nhắc nhở đến nữ thi sĩ đồng quê độc nhất của phái thơ mới tiền-chiến nữa, có chăng cũng chỉ trích một vài bài thơ tiêu biểu hay chỉ một vài câu lấy lệ mà thôi.

Ba mươi năm trôi qua, sự có mặt Anh-Thơ trên thi đàn Việt-nam làm cho nền thi ca dân tộc được thêm phần nào phong phú.

Vì lẽ đó, chúng tôi thấy cần trình bày cùng quý vị vài nét độc đáo của nhà thơ đồng áng: Anh-Thơ.

Những ai am tường về thi ca dân tộc phải công nhận rằng những vần thơ của Anh-Thơ là cái gạch nối liền về di vãng ngàn xưa để tìm hiểu thế nào là đời sống cổ truyền của người dân Việt. Mỗi bài thơ của Anh-Thơ là một hình ảnh sống thực của đất nước, một phong tục của quê hương.

Anh-Thơ là tượng trưng cho tình non, tình nước, cho quê hương xứ sở, cho đồng ruộng bao la, bát ngát. Anh-Thơ ca tụng cảnh núi đồi hùng vĩ của đất mẹ, mùi thơm của cánh đồng lúa chín, niềm vui của phiên chợ cuối năm; những điều đó chúng ta có thể tìm được trong thi phẩm của Anh-Thơ.

Đọc *Bức tranh quê* mà ngay cả tập thơ *Xưa* cũng thế, đâu đây người ta cũng thấy những hình ảnh của nếp sống nông thôn: từ những phiên chợ chiều ba mươi ồn ào nhộn nhịp, đến ngày Tết vui vẻ của đàn trẻ ngây thơ vô tư lự, nô đùa chào mừng mùa xuân mới; rồi một hình ảnh chúc Tết, cảnh cười nói của một gia đình cùng nhau đi chúc thọ những người trong họ, một phong tục ngàn đời của người Á-đông; hay cảnh một chiều mùa gặt, khi người quê đã làm xong việc đồng áng vác liềm hái trở về, miệng vui vẻ hát bản ca thanh bình; rồi đến hình ảnh của một buổi trưa hè oi ả, những chiếc quạt phe phẩy cố tình xua đuổi cái nóng nhiệt bên ngoài; hay một sáng sáng thu, cảnh trời mát mẻ, những câu hò giọng hát vang vang, rồi đến cảnh mùa mưa nước dâng sấm chớp, cảnh bão lụt tàn phá quê hương, những giọt nước mắt vắn dài thi nhau tuôn tràn trên đôi gò má hốc hác của những người lâm nạn, v. v... tất cả những hình ảnh đó đều được Anh-Thơ ghi lại đầy đủ bằng những nét linh động.

Đề quý vị có một ý niệm rõ rệt, chúng tôi xin trình bày những nét độc đáo của nhà thơ Vương kiều Ân một cách tỉ mỉ hơn.

Như bài *Đêm trăng xuân*, ngay phần đầu Anh-Thơ cho thấy cảnh một đêm minh mông, huyền ảo, trên cánh đồng im lặng, sương mù rơi khắp đó đây, chị Hằng bủa ánh sáng huyền diệu xuống trần gian bằng một mẫu vàng óng ả.

*Đồng lặng lẽ sương mù buông bát ngát,
Ao âm thầm mây tối ngập mênh mông.
Gió im vắng, từ từng không mơn mẩn,
Mưa bay trắng nhẹ nhẹ dệt tơ vàng.*

Lối tả cảnh khéo léo, không dùng sáo ngữ, chỉ những chữ thông thường, nhưng thật hợp cảnh trí, Anh-Thơ thêm:

*Và nhẹ nhẹ trong tơ trăng phơ phất,
Khóm tre xanh lướt gió uốn cung đàn.*

Trong ánh trăng thanh, từng làn gió thoảng qua làm cho những thân tre chao mình theo ngọn gió uốn cong như chiếc đàn (đây là loại đàn bầu, khi gió thổi cây tre nghiêng cong vòng cung như cây đàn bầu).

Và trong khi đó thì:

*Làng xóm lặng say đi trong giấc ngát,
Những hương đào, hương lý dậy miên man.*

Cảnh vật càng đi sâu vào đêm, mọi người đều yên giấc. Trong không khí êm ả của đêm trăng gió thoảng làm cho những loài thảo mộc như hoa đào, hoa lý toả một mùi thơm dễ chịu. Ý thơ rất tế nhị, hay ở chỗ tác giả đã làm một cuộc « nhân cách hóa đảo lộn » thật khéo, nhưng chữ: *Làng xóm* (người) *say đi trong giấc ngát* mà *Những hương đào, hương lý* (vật bất động) *dậy miên man*.

Đó là hình ảnh một đêm xuân, sau đây là một buổi trưa hè dưới mắt Anh-Thơ:

*Nắng đã nực, cây vườn im hơi thở,
Ngõ đầy ruồi vắng bóng bướm ong qua.*

Khác hẳn với cảnh trí của đêm trăng xuân nhẹ nhàng im mát, một buổi trưa hè vào tiết tháng hai, cây vườn đứng im như bất động, trong không khí ọi bức ngột ngạt của buổi trưa hè như muốn thiêu đốt mọi người lẫn cảnh vật chung quanh, trừ loài ruồi đang say nắng, ong bướm chẳng buồn qua lại.

Nhưng dù có oi ả, khó chịu thế mấy, một việc quan trọng cần phải làm là:

*Các đình chùa đã bắt đầu dựng rạp,
 Những vàng hương, mũ mã chất như non.
 Người từng lũ kéo nhau đi cầu mát.
 Mấy đêm ngày chuông trống xập xoàng luôn.*

Một tập tục thôn quê, vào những ngày đầu mùa hạ, dù cho không khí oi bức nặng nề, đã là những người ở thôn quê quanh năm sống nhờ vào mảnh đất, khoảnh ruộng, đều đổ xô đến các đình chùa vái van cầu khẩn cho chóng mưa. Thật là náo nhiệt trong cái sinh hoạt tập thể ấy. Mà họ không lo âu sao được, khi :

*Trong đồng lúa cũng bắt đầu khát nước,
 Lũ gái tơ uể oải kéo dây gàu.*

Trong cảnh nóng bức như thế mọi công việc tiến hành quá chậm chạp, đồng ruộng thì «khát nước» mà lũ gái tơ lại uể oải, thậm chí việc lên tiếng chào nhau họ cũng lười biếng :

*Đã hết cả những hội hè đám rước.
 Vào việc làm họ chán cả chào nhau.*

Thật là hai hình ảnh khác biệt, một mùa xuân dễ chịu với gió thoảng, mây lành, trăng trong, cảnh đẹp ; ngược lại, hè sang thì bầu không khí trở nên nặng nề, oi bức ; người vật đều uể oải.

Qua hai hình ảnh trên, chúng ta thấy Anh-Thơ tỏ ra xuất sắc trong lối tả cảnh mà lại là những cảnh đối chọi nhau nhưng vẫn luôn luôn bám vào đề tài đã gợi ra.

Cái hay của Anh-Thơ là đã khéo đem những hình ảnh sống thực vào thơ của mình. Mỗi bài hay mỗi câu thơ đều phản ánh trung thực cho ngoại cảnh trong mọi khía cạnh mà tác giả muốn trình bày.

Nhà tiểu thuyết gia lừng danh của Pháp, Guy de Maupassant đã nhận định về nghệ thuật viết văn như sau :

«Làm văn, thi sĩ không phải là khó, mà chính cái khó nhất là phải làm thế nào nói lên được tất cả sự thật những gì mình muốn nói, tránh cho kỳ được những gương ép giả tạo, không

phải nói lên bằng văn mà đủ, trái lại phải nói lên bằng những hình ảnh, chúng ta thừa hiểu những người viết văn, làm thơ hay là những người đã khéo chọn những hình ảnh sống thực, đọc đáo để làm hình ảnh đem vào thơ và văn của mình. Chỉ có thế, nếu làm được như thế, chắc chắn người đó sẽ thành công không khó trên địa hạt văn-chương.»

Lời nói đó đã được chứng minh một cách cụ thể qua thơ văn của Anh-Thơ và chính Anh-Thơ đã thành công trong thơ văn của mình cũng là thế.

Đây, chúng ta thử đi vào thế giới của Anh-Thơ một cách rộng rãi hơn, ta hãy nghe Anh-Thơ tả lại cảnh nhộn nhịp của một ngày xuân :

*Lũ con gái rộn ràng cười, nói nói...
 Khoe hàm răng đen nhánh, mắt đa tình.*

hay :

*Trong vườn đào đã nhiều bông nở đỏ,
 Và đã nhiều nều dựng khánh khua thi.*

Đó là cảnh nhà nhà vui trong ngày giáp Tết, và đây cảnh dọn dẹp sửa sang để đón mừng xuân :

*Và rất nhiều ông già ngồi lau quét,
 Trước bàn thờ thành kính thắp tuần nhang.
 Trong khi ấy tiếng lợn kêu eng éc,
 Khắp xóm làng lẫn tiếng chửi nhau vang.*

Thật là xôn xao lai ai cũng đều lo trang hoàng nhà cửa để đón chào năm mới, cảnh sinh hoạt thật bất thường. Và nhìn xa hơn nữa :

*Trên sông nước trong khoang thuyền chờ vội,
 Giữa những người về tết chuyện ba hoa.
 Một lũ khách lạnh lùng ôm chăn gối.
 Mắt mơ màng nhìn tiếng pháo xa xa.*

Hình ảnh thật nhẹ nhàng nhưng nổi bật khung cảnh rộn ràng của ngày Tết. Từ cảnh trên sông nước những chiếc thuyền chở khách vội vàng về hưởng ba ngày xuân,

họ bông đùa, cười cợt như trút bỏ những lo âu khổ cực sau bao ngày lưu lạc. Chúng ta hãy lưu ý đoạn thơ này : trong cái vội vàng hối hả, nói cười nhộn nhạo ở hai câu đầu (*Trên sông nước trong khoan thuyền chở vội. Giữa những người về tết chuyện ba hoa*), Anh Thơ cho chen vào một hình ảnh tương phản (*Một lữ khách lạnh lùng ôm chân gối. Mắt mờ màng nhìn tiếng pháo xa xa*) mà không ngượng ngập, lại còn gợi một niềm băng khuâng là khác.

Thêm một khung cảnh đặc biệt về Tết trong một đêm giao thừa trang nghiêm, đầy vẻ trọng đại :

*Trời tối quá, bên ngoài trời tối quá,
Những cây nêu tiếng khánh khê khua thăm.
Những cung vôi trong sân như mờ xóa
Những giấy điều trước cửa dán đen thăm.*

« Trời tối quá, bên ngoài trời tối quá », những điệp tự được lặp lại cho chúng ta thấy cái đêm cuối năm tối một cách khác thường ; nêu đã được dựng lên, tiếng khánh khê khua theo nhịp gió dong đưa. Những cung vôi, những giấy điều dán làm phép lành trong dịp Tết, chỉ bốn câu, Anh-Thơ đã khéo léo trình bày một tập tục ngày xưa, đầy đủ nêu cao, khánh đồng, cung vôi, tên cô tượng trưng cho sự tiến thân trên đường công danh, theo đúng câu tang bông hồ thi. Và đây, cảnh nồn nao của mọi người trước giờ giao thừa :

*Quanh bếp ấm nồi bánh chưng sùng sục,
Thằng cu con dụi mắt cố chờ ăn.
Dĩ nhơn mơ chiếc váy sồi đen rút,
Bà lão nằm tính tuổi sắp thêm năm.*

trong khi đó :

*Bỗng tiếng pháo dẹt đùng xa nổ báo,
Ngoài đình trung làng đã tế giao thừa.
Cả nhà vội giặt mình không ai bảo,
Cùng đứng lên thắm bánh chín hay chưa.*

Đọc hết những đoạn thơ trên, chúng ta thấy Anh-Thơ có con mắt quan sát khác thường. Với những câu :

*Những cây nêu tiếng khánh khê khua thăm,
Những cung vôi trong sân như mờ xóa.
Những giấy điều trước cửa dán đen thăm.*

và những chữ : *Nồi bánh chưng sùng sục; Thằng cu con dụi mắt cố chờ ăn; Bà lão nằm tính tuổi sắp lên năm; Bỗng tiếng pháo dẹt đùng v.v...* là những chữ nổi bật nhất trong bài thi, Anh-Thơ đã có cái nhìn thấu đáo, tinh vi khiến người đọc cảm thấy sự vật đang diễn biến trước mắt và đập mạnh vào tiềm thức.

Như chúng ta thừa hiểu người dân nông thôn có cái lo âu thường xuyên là thiên tai tàn phá, những cảnh lụt lội, đông bão, hạn hán. Ở đây Anh-Thơ trình bày một hình ảnh của một mùa đại hạn qua bài thơ :

*Nắng, nắng, suốt trời vàng, giải nắng,
Gió theo mây không biết trốn phương nào.
Vườn chuối rủ héo dần trong im lặng,
Những rau bèo chết cạn ở trong ao.*

với bốn câu mở đề, cảnh « vườn chuối rủ héo dần trong im lặng », « những rau bèo chết cạn ở trong ao » cho ta hình ảnh cái nắng nung người, khiến ta có cảm tưởng như mình đang sống trong một lò lửa.

Phần thứ hai, Anh-Thơ thêm :

*Ngoài đồng ruộng lúa vàng khô cháy xác,
Nắng chang chang không một bóng râm chừa.
Chó điên dại chạy rong tìm chỗ mát,
Trâu buồn rầu nằm đợi vũng tràn mưa.*

Trình bày một cảnh nắng cháy xác lúa, chó điên rong chạy, cho đến « trâu buồn rầu nằm đợi vũng tràn mưa », đã cho ta sự liên tưởng đến cái hậu quả tai hại của ngày đại hạn.

Và đây cảnh của một vụ lụt :

*Đê đã vỡ một đêm mưa tầm tã.
Nước băng sông ợt chảy trôi đồng.
Làng xóm lụt chìm đi trong mái rạ,
Bao cây vườn mất tích giữa mênh mông.*

hay :

*Nhưng dưới nước lững lờ theo tiếng quạ,
Bao thây người vợ vẫn giữa dòng sông.*

Một thảm cảnh đau thương ! nạn lụt tàn phá, nhà cửa bị chọn vùi trong lòng nước đỏ, những người xấu số bị nước cuốn trôi. Sau khi nạn lụt qua, cảnh vật thật tiêu điều xơ xác, thi hài kẻ bạc mạng còn phơi bày khắp đó đây, những đàn quạ bay luôn trên không để tìm thịt rĩa. Thật không còn gì đau xót cho bằng ! Dưới ngòi bút của Anh-Thơ, cảnh vật luôn hiện tuẩn tữ và đầy đủ. Nét nhìn tinh tường đó đã khiến cho ta thêm phục mắt quan sát của Anh-Thơ.

Xuyên qua tập thơ *Bức tranh quê*, không ai phủ nhận sự nhận xét tinh tế của Anh-Thơ, nhưng có nhiều người chê Anh-Thơ làm thơ như tả chụp ảnh, những bức ảnh khô khan.

Về điểm này, trong *Kỷ niệm văn thi sĩ hiện đại quyền* của Bàn Bá Lân có ghi : « Vâng, thì chụp ảnh, nhưng chụp ảnh mà được những tác phẩm như trên đây thì tưởng trong văn chương Việt-nam cũng nên — hơn nữa — cũng cần có những nhà thơ chụp ảnh như vậy. »

Bàn quân thêm : « Với những người ấy, tôi xin đứng trên cương vị của một nhiếp ảnh gia có một đôi chút kinh nghiệm mà thưa rằng : Chụp ảnh không phải chỉ làm một việc có tính cách máy móc. Phải là một nghệ sĩ thực tài mới khám phá được giữa cái hỗn độn tầm thường của sự vật, những dáng hình kêu gọi và truyền cảm. Khám phá được rồi, lại phải lẹ mắt lanh tay mới có thể ghi kịp, nếu là một cảnh hoạt động. Và lại phải có kỹ thuật và nghệ thuật vững chắc giữ gìn mới có thể, trong chớp mắt, vừa bố cục vừa điều khiển ánh sáng để

làm cho ảnh linh động có tinh thần. Ấy là chỉ mới nói có việc thấu hình, phải làm bao nhiêu công việc phải làm trong buồng tối đòi hỏi — ngoài kỹ thuật vững vàng — một nghệ thuật sâu sắc, một khiếu thẩm mỹ tế nhị mới tạo nên được một tác phẩm mỹ thuật khá dĩ làm đẹp mắt và rung cảm được người xem. Trái lại thế, người chụp ảnh chỉ sản xuất được những « tấm hình chết », vụn vặt, không hồn. »

Riêng chúng tôi xin mạn phép góp một ít ý kiến về nhà thơ đất Ninh-giang :

Về thể thơ, Anh-Thơ thường làm theo lối 8 chữ, 4 đoạn, mỗi đoạn 4 câu : hầu hết mỗi bài đều trong vòng 12 câu, có bài vượt quá số đó, tuy nhiên ta có thể đếm trên đầu ngón tay.

Khác với những nhà thơ chỉ hay khóc cho mối tình tan vỡ, cảnh biệt ly hoặc ca ngợi tình yêu nồng cháy v.v... Anh-Thơ chỉ nhằm một chủ đề chính là đồng quê và phong tục. Đọc Anh-Thơ, người thành thị sẽ có ý niệm rõ rệt về nếp sinh hoạt sau những lũy tre và cảm thấy thích thú về sự tăng bồi hiểu biết của mình, nó tương tự mỗi khoái cảm của những trẻ con ở trong thành phố kỹ nghệ quanh năm chỉ thấy ống khói và khói mù, hân hạnh khi được người ta trình trọng tỏ chức cho chúng lần đầu tiên gặp mặt... một con bò bằng xương bằng thịt vậy.

Những văn thơ của Anh-Thơ là những bức tranh tả chân trong sáng, rõ rệt và linh động như cảnh thật ; nó không phải là những bức « ảnh chụp » mà là một chuỗi hình ảnh linh động như một cuộn phim về hoạt cảnh được quay liên tục trước mắt ta. Mà đạt đến trình độ này đâu phải bất cứ ai cũng làm được.

Có điều, tác giả *Bức tranh quê* đã dệt những văn thơ đơn sơ, tuy gói ghém được cả nếp sống của dân tộc nhưng vì quá tôn trọng tinh thần cảnh vật cũng như hoạt cảnh mà không hòa hợp sự rung động phải có của một thi nhân, nên đọc Anh-Thơ chúng ta « thấy » nhiều hơn là « cảm ».

Điểm nữa, Anh-Thơ ít khi dùng đến nội tâm. Khảo sát suốt mấy chục bài thơ, chúng tôi chỉ bắt gặp được có một

chữ «Ta» (một đối tượng có khả năng rung động trước cảnh), nhưng rất tiếc cái «Ta» của Anh-Thơ lại rung động vì một cái trù tượng : «Ta nhớ Nàng Thơ xưa yêu mến.»

Giả sử Anh-Thơ chịu gọi hồn thơ, hay nói đúng hơn, cái cảm xúc vào tiếng thơ của mình, có lẽ Anh-Thơ sẽ tạo được hơn những gì hiện có.

Cũng cùng một khuynh hướng thi ca đồng quê, nhưng chúng tôi lại thích thú được rung cảm theo tiếng thơ của Bàng bá Lân hơn.

Xin trích dẫn hai bài thơ của hai tác giả đồng quê cùng đứng trước một cảnh như nhau, mặc dù đề tài của Anh-Thơ dễ gợi cảm hơn :

Vườn xưa

(của Anh-Thơ)

Kính tặng hương hồn Bác tôi

Đây một giàn lan che bóng lan,
Dắm thân từng trúc đứng nghiêm hàng.
Vài hòn non bộ, nhiều đêm vắng.
Biên cạn đầy trắng, cá dớp vàng.

Và khi vườn chủ tóc như sương
Gậy trúc lang thang dạo khắp vườn.
Là lúc hồn thơ say ý rượu,
Tìm hồn hoa lạc dưới trăng suông.

Rồi cả vườn cây nghe tiếng ngâm,
Nâng cao hồn mộng quện hương trầm.
Sau khi gót hạc dừng hiên nguyệt,
Chén rượu hòa trăng rót mãi vần.

Nhưng nay lạnh lẽo bóng trắng sang,
Lan héo lòng hoa, trúc vỡ vàng.
Cá chẳng đùa trăng, trong biên cạn
Vài hòn non bộ đứng cư tang.

Vì chưng vườn chủ tóc như sương,
Gậy trúc chiều qua đã đất đường
Thơ rượu say về tiên giới ấy,
Vườn xưa đề lạnh bóng trắng suông!

(Xưa)

*

Trò lại đồng quê

(của Bàng bá Lân)

Hôm nay về trại gió hiu hiu,
Nhìn lớp mây qua nhuộm máu chiều,
Nhớ lại lược xưa màu đỏ thắm
Cài trong tóc lụa xòa liu diu.

Nhớ lại năm xưa còn ở quê,
Chiều bên đường cô đợi trâu về :
Em nhìn chim vút lên trời thắm.
Anh lắng điệu than trong tiếng tre.

Năm năm vội vã thoáng đi nhanh,
Em nhàng quên quê luyện thị thành.
Lược đỏ không cài trên tóc búi,
Cỏ đường chẳng vướng gót chân xinh.

Em biếng về quê, cây nhớ nhung,
Lúa đồng rướn ngọn đứng như mong
Đất đường luyện tiếc bàn chân ngọc,
Cỏ rạc ven bờ mãi ngóng trông.

Lòng rồi như là cỏ rồi bông,
Tương tư! Trại vắng rộng hơn đồng.
Em ơi! Vui thú phồn hoa mãi,
Có biết đồng quê đang nhớ mong?

(Tiếng vọng đưa)

Có phải các bạn cảm thấy một tình cảm lâng lâng không ?
Bằng bá Lân hơn Anh-Thơ là ở đó.

Chúng tôi không có ý so sánh đề phân đẳng cấp mà
đề trình bày các bạn thấy sự đòi hỏi một tình cảm cần
thiết trong thơ.

Và đây, chúng tôi xin nêu thêm một thí dụ đề chứng
minh cho lập luận trên trong một bài thơ dịch mà chúng
tôi mang máng nhớ tựa đề :

Viếng nhà tổ phụ

Mấy năm chẵn nợ trần đeo đuổi
Nơi xứ người tạm gởi tấm thân.
Về thăm tổ quán một lần,
Đoái xem quê cũ tấm lòng xót xa.
Dạng xa xa thấy nhà tổ phụ
Dưới chòm cây bao phủ chung quanh.
Cây sao cây lại rũ nhành
Hay là sâu chủ, lòng thành của người.
Bước một bước càng khơi tắc dạ ;
Nào vô nhà đây lá héo khô,
Xưa kia xe ngựa ra vô,
Đập diu những khách rượu Tô thi thần.
Này dấu ngựa về rong đã đóng,
Khách thi thần đâu vắng ai ơi !
Trở trâu chi lẫn, bớ trời !
Đồi xoay, xoay đồi khiến người châu sa-
Kìa trước mắt vườn hoa chốn cũ,
Mấy nhành hường lá ủ, bông khô.
Hường ơi, có biết có ngờ,
Có hay tiêu chủ bây giờ về thăm
Bước vô cửa, nhà sao lạnh ngắt,
Nhìn vật xưa như cát tẩm lòng.

Tư bề lưới nhện bủa giăng,
Lòng ta bị thắm vui chăng, bớ trời !
Lau giọt lệ, vào nơi viễn khách,
Thơ xưa để trên vách ở mô ?
Đây là chỗ ngủ năm xưa.
Này nơi mẹ thác, chỗ đưa em nằm.
Chân rảo bước ra thăm phần mộ,
Thấy xanh vàng ngọn cỏ phát phơ.
Mẹ ơi ! chín tuổi có ngờ
Con nay khôn lớn dật dờ về thăm.
Nghe tiếng để dờn Nam lãnh lót,
Hay vì ta người khóc để ơi,
Hay vì chích bạn lẻ đôi,
Hay vì lạc ồ, ngụ nơi mộ phần ?
Ôi cảnh thâm ruột trăm chiều rồi !
Nghĩ năm xưa thêm tủi tấm lòng.
Càng xem càng giận Hóa-công
Sanh chi trên thế khiến phần gian nan.
Đang tức tửng người than ngậm thờ,
Tiếng thu không tỏ mở bên làng
Ngước lên xem thấy bóng trăng,
Khăn lau nước mắt lui chân ra về.

Đọc xong, các bạn có cảm thấy rung động đến một cao
độ hơn ?

Chúng tôi cũng biết thật không phải khi nhận xét một
nhà thơ này mà lại đem một nhà thơ khác đề so đo.

Sự nghiệp thi ca của Anh-Thơ là tập *Bức tranh quê* đã
được giải khuyến khích về bộ môn này cùng với tập *Nghen*
ngào của nhà thơ Tế-Hanh cho ta thấy Anh-Thơ chỉ giữ
một địa vị khiêm nhượng trên thi đàn Việt-nam thời tiền
chiến.

Đề giúp quý bạn hiểu rõ thêm trong hoàn cảnh nào đi

tạo ra nhà thơ đất Ninh-giang, chúng tôi xin nhường lời cho Hoài Thanh :

« Một hôm tôi nhận được bức thư đề : M. Hoài - Thanh, professeur, l'Institutur Thuận-hóa. Tôi đã không dám khinh thường người viết thư mà lại còn kính phục thêm nữa. Vì tôi biết người viết thư là một nữ thi sĩ có danh : Anh-Thơ. Đã đành hay thơ Việt không cần phải giỏi tiếng Pháp. Nhưng trong tình thế nước ta bây giờ một người thiếu niên muốn có một nền học vấn vừa vừa mà không cần đến tiếng Pháp quả là một thiên nan vạn nan. Cứ xem văn của Anh-Thơ ai cũng bảo là người có học. Thế mà cái lối viết rõ ràng và chắc chắn ấy, Anh-Thơ không từng học được tiếng Pháp. Càng kính phục người, ta càng mừng cho nền quốc văn. Quốc văn ta ngày một thêm phong phú và hiện nay đã có thể làm lợi khí đào luyện tinh thần cho một người như Anh-Thơ ».

Như vậy chứng tỏ Anh-Thơ là một thi tài kết tinh bằng một sự cố gắng vượt bực, một sự trui rèn tinh thực trong loại thi ca đồng quê và phong tục, gọi cho ta ý niệm được nếp sống cổ truyền, những hình ảnh sống động từ ngàn xưa đã và đang diễn biến trên đất nước này.

(Ấn bản kỷ niệm, 8-1968)



Chi tuyến

Đại hạn

Nắng, nắng, suốt trời vàng giải nắng.
Gió theo mây không biết trốn phương nào.
Vườn chuối rũ héo dần trong im lặng,
Những rau bèo chết cạn cả trong ao.

Ngoài đồng ruộng lúa vàng khô cháy xác.
Nắng chang chang không một bóng râm chừa.
Chó điên đại chạy không tìm gió mát,
Trâu buồn rầu nằm đợi vũng trùn mưa.

Rời chiều đến khi mặt trời lặn đỏ,
Mây phương đoàn tằm rực một bên sông.
Các cô gái đưa nhau thăm ruộng nở,
Cuộn dây gàu chân nân tát đồng không.

*

Chiều nón quai thao

Tua ống tơ gà tha thướt gió,
Vành vàng lá lụa nắng tươi xinh
Khuôn hoa e lệ trong khuôn nón,
Say mắt chàng trai liếc gửi tình.

Nhưng dế con nghiêm bước thẳng đường,
Đâu ngờ tơ nón gió vương vương.
Chàng về, mắt đắm sâu xa vắng...
— Cả một trời xuân nhạt nắng hường!

*

Rằm tháng bảy

*Gió hiu hắt gieo vàng muôn cành lá,
Trời âm u mây xám bóng sương chiều.
Làng xóm ngập nhà nhà trong khói tỏa,
Vẳng đưa lời khóc mà lạnh hiu hiu.*

*Trong chùa, điện hương đèn nghi ngút sáng,
Tiếng mõ, chuông hòa nhịp trống bên đình.
Lời cầu cúng truyền theo làn khói thoảng.
Quyển cô hồn nương gió lại nghe kinh.*

*Ngoài dề rộng bờ dài nghiêng đồ cháo,
Lễ chúng sinh từng bọ một ắn mầy,
Cũng lẳng lặng như bóng ma buồn nào,
Đất nhau tìm nơi cúng dề xin may.*

*

Vào hè

*Nắng đã nức, cây vườn im thở gió,
Ngõ đầy ruồi, văng bóng bướm ong qua.
Tiếng cuộc gọi chiều chiều vang bụi cỏ.
Và chiều chiều dóm dóm rủ nhau ra.*

*Các đình chùa đã bắt đầu dựng rạp,
Những vàng hương, mũ mã chắt như non,
Người từng lũ kéo nhau vào cầu mát,
Mấy đêm ngày chiêmng trông chập choeng luôn.*

*Trong đồng lúa cũng bắt đầu khát nước.
Lũ gái tơ uè oải kéo dây gàu.
Đã hết cả những hội hè đám rước,
Vào việc làm. Họ chán cả chào nhau.*

*

Đêm đông tở

*Mưa ồ ạt suốt trời tuôn đồ thác,
Gió găm gào khắp đất quật cây lên.
Sấm náo động cả trời mây tan tác,
Thoảng ánh lờ tia chớp vụt soi đêm.*

*Đêm bí mật bỗng bừng trong sợ hãi,
Những tà ma luống cuống chạy quanh đồng.
Sét thịnh nộ từ trời cao giáng lại,
Và mưa cầm, và gió giật cây rung.*

*Khắp làng xóm nhà nhà xiêu tốc mái,
Mưa như tên vun vút bắn tung hoành,
Từng hồi ốc rú dài trong sợ hãi,
Trong gió găm riu rít lũy tre xanh.*

*

Chiều ba mươi tết

*Trời lún phún mưa xuân, đường các ngõ,
Lắm những bùn và đầy những người đi.
Trong vườn đào đã nhiều bông nở đỏ,
Và đã nhiều nêu dựng khánh khua thì.*

*Và rất nhiều ông già ngồi lau quét,
Trước bàn thờ thành kính thấp tuần nhang.
Trong khi ấy tiếng lợn kêu eng éc,
Khắp xóm làng lẫn tiếng chửi nhau vang.*

Trên sông nước, trong khoang thuyền chở vợ,
Giữa bọn người về tết chuyện ba hoa.
Một lữ khách lạnh lùng ôm khăn gói,
Mắt mờ màng theo tiếng pháo xa xa.

*

Đêm ba mươi tết

Trời tối quá ! Bên ngoài trời tối quá !
Nhưng cây nêu, tiếng khánh khê khua thăm.
Nhưng cung vôi trong sân như mờ xóa,
Nhưng giấy điều trước cửa dán đen thăm.

Quanh bếp ấm, nồi bánh chưng sùng sục,
Thằng cu con dụi mắt cố chờ ăn.
Đi nhón mớ chiếc vẩy sồi đen rức,
Bà lão nằm tính tuổi sắp thêm năm.

Bỗng tiếng pháo dẹt đùng xa nồ, báo,
Ngoài đình trung làng đã tể giao thừa.
Cả nhà vội giật mình không ai bảo,
Cùng đứng lên thăm bánh chín hay chưa.

*

Ngày tết

Trước cổng làng chòm nêu vừa thức gió,
Bụi mưa phùn đã dờ xuống sân vôi.
Tràng pháo chuốt đua nhau đi dẹt nồ,
Xác giấy hồng bắn cả cánh hoa rơi.

Trong nhà đỏ bàn thờ nghi ngút khói.
Nhưng đàn bà tíu tít chạy bưng mâm.
Lũ con trẻ vui mừng thay áo mới,
Bên ông già hương nễn quá chuyen tâm.

Ngoài đường ngô bần lăm theo nước chảy,
Thằng cu con quần đỏ cười lưng bà.
Các cô gái đội vàng hương ôm váy,
Miệng tươi cười mừng tuổi những người qua.

*

Bên đồ ngày phiên chợ

Trời mới sáng, sông còn yên nước lãng,
Mây vì sao thưa thớt đứng soi hình.
Tiếng hò đò đã vang trên bến lãng,
Trong sương mù chèo động sóng lung linh.
Thuyền ghé bến người người chen chúc xuống,
Tiếng chú kêu, lợn hét nòi vang lừng.
Vớ tiếng người ồn lên trong luống cuống,
Đặt gánh gồng bồ bịch đồ lung tung.
Và cứ thế, dờ dầy rời khỏi bến,
Bác lái thuyền điềm tĩnh ngắm sương tan.
Sốt ruột nhất những người đi lỡ chuyến,
Đứng xếp hàng ngong ngóng đợi đò sang.

*

Chợ mùa hè

Trời loé nắng, chợ vào đầy những nắng,
Đầy những người chen chúc hợp... mở hội.
Các mẹ bún bầy ruồi không hớt trắng,
Các sàng dừa bán nặng kín xanh tươi.

*Đây, góc quán bà già ngồi rũ nóng,
Kìa cửa lều ông lão quạt khăn tay.
Chó le lười ngồi thừ nhìn củi đóng,
Lợn trối nằm hồng học thở căng dây.*

*Trong khi ấy tiếng reo hò nhớn nhác,
Những hàng chè, hàng nước chạy va nhau.
Nhưng đắt nhất có chị hàng bán quạt.
Ngồi trước đình, không kịp đếm tiền xâu.*

*

Chiếc cồng thơ

Kính lộng Bà Huyện Thanh-Quan

*Núi chập chùng cao nước uốn quanh,
Bãi dâu ngăn ngắt giải màu xanh.
Nhìn xa non nước chiều thu vắng,
Một mảnh tình riêng với một mình.*

*Ta nhớ Nàng Thơ xưa miến yêu,
Chiều xuân đứng đình cồng yêu kiều.
Trao hồn man mác tình non nước,
Những vận thơ vàng phơi phới gieo.*

*Nào buổi Đèo Ngang bóng xế tà;
Hoàng hôn theo mỗi cánh chim xa.
Thăng-Long dừng bước trông hoài cò,
Trần-Vô trầm bay trước Phật tòa,*

*Non nước giờ đây dậy ý thơ,
Mà người non nước gió sương mờ.
Ta nhìn xa vắng còn như thấy
Đứng đình nàng đi chiếc cồng thơ.*

*

Đêm trăng xuân

*Đồng lặng lẽ sương mù buông bát ngát,
Ao âm thầm mây tối ngập mênh mang.
Gió im vắng, tự từng không man mác,
Mưa bay trắng nhẹ nhẹ dệt tơ vàng.*

*Và nhẹ nhẹ trong tơ trăng phơ phất,
Khóm tre xanh lướt gió uốn cung đàn,
Làng xóm lặng say đi trong giấc ngát,
Những hương đào hương lý dậy miên man.*

*Ngoài sông nước, thuyền im về dỗ ngủ.
Mưa mênh mông, trăng xuống, gió tơi bời,
Bến bỗng nổi một dịp cười như rú
Sông rừng mình, nước rộn bóng ma bơi.*

*

Buổi gặt chiêm

*Mặt trời lặn, mây còn tươi ráng đỏ,
Cò từng đàn bay trắng cánh đồng xa.
Tiếng diều sáo véo von cùng tiếng gió,
Hòa nhịp nhàn giọng ả hái dâu ca.*

*Trong đồng lúa tươi vàng bông rủ chín,
Những trai tơ từng bạn gặt vui cười.
Cùng trong lúc ông già che nón kín
Ngồi đầu bờ hút thuốc thổi từng hơi.*

Trên dề trắng, chồm đầu phơ phất gió,
 Lũ cu con mê mãi chạy theo chiều,
 Bỏ mặc cả trâu bò nằm vệt cỏ,
 Mắt mơ màng trong gợn gió hiu hiu.

(Bức tranh quê)

Chiều xuân

Mưa dề bụi êm dề trên bến vắng,
 Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi.
 Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng,
 Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời.

Ngoài đường dề cỏ non xanh biếc cỏ,
 Đàn sáo đen sà xuống mờ vu vơ.
 Mấy cánh bướm rập rờn bay trước gió,
 Những trâu bò thông thả cúi ăn mưa.

Trong đồng lúa xanh rờn và ướt lặng,
 Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra.
 Làm giật mình một cô nàng yếm thắm,
 Cúi cúi cào cỏ ruộng sắp ra hoa.

(Bức tranh quê)

Bên đò ngày xưa

Tre rù rượi ven bờ chen ướt át,
 Chuối bơ phờ đầu bến đứng dầm mưa.
 Và dầm mưa dòng sông trôi dào dạt,
 Mặc con thuyền cắm lái đứng trơ vơ.

Trên bến vắng dề mình trong lạnh lẽo ?
 Vài quán hàng không khách đứng xo ro.
 Một bác lái ghé buồm vào hút điếu,
 Mặc bà hàng xù xụ sắc hơi, ho.

Ngoài đường lội hạp hoản người đến chợ,
 Thúng đội đầu như đội cả trời mưa.
 Và hạp hoản một con thuyền ghé chờ,
 Rồi âm thầm bến lại lặng trong mưa.

(Bức tranh quê)

Sáng hè

Gió man mát bờ tre rung tiếng sẻ,
 Trời hồng hồng đáy nước lửng son mây ;
 Làn khói xám từ nóc nhà lặng lẽ
 Vươn mình lên như tình giấc mơ say.

Người đẩy cò, bà già lặn thoi bếp,
 Thằng cu con dụi mắt quét quàng sân,
 Cùng trong lúc gà lồng kêu chiếp chiếp,
 Và lợn chuồng ừ ừ giục cho ăn.

Trong ao nước bèo chen rau muống nổi ?
 Mẹ rồi con xắn váy chèo mòng, và
 Người vớt bèo, người khều rau hái vôi,
 Vì trên đường lên chợ đã người qua.

(Ngày nay, số 219, 3-8-1940)

Trưa hè

Trời trong biếc không gian mây gợn trắng,
 Gió nồm nam lộng thổi cánh diều xa;
 Hoa lựu nở đây một vườn đỏ nắng,
 Lũ bướm vàng lơ đãng lướt bay qua.

Trong thôn xóm tiếng gà thưa thốt gáy,
 Các bà già nằm võng hát, thiu thiu...
 Những dế con ngồi buồn lê bắt chấy,
 Bên đàn ruồi rạc nắng hết hơi kêu.

Ngoài đồng lúa, vừa ngang tay tát nước,
 Bọn đàn ông lên quán quạt luân hồi,
 Cùng trong lúc trên đường vòng phía trước,
 Những đàn bà về chợ tắm mồ hôi.

(Ngày nay, số 219, 3-8-1940)

*

Xuân quê

Lúa mượt đồng xanh nổi trắng cò,
 Dưa dài sông lựu dẹt mưa tơ
 Làng xa trong lũy làng biêng biếc
 Nên lắng xuân về khảnh lững lờ.

Trời ửng hoa đào, đất sáng mai,
 Vàng trong hoa cải bướm bay dài
 Vườn bên đây táo xôn xao nắng
 Thấy thoáng bay hồng giải yếm ai.

Pháo rẹt còn vương ngõ hững hờ,
 Bên rào loáng thoáng khói bay mơ.
 Có người qua xóm nhìn ngon mắt,
 Xuân chín trên cành cam lắng lờ.

(Hương xuân, 1943)

*

Đêm ba mươi tết gửi Ai Mai

Đêm ba mươi tết một năm xưa,
 Đề mặc mình me dọn án thờ
 Chị rủ em ra gương thử áo,
 Cùng cười sung sướng với ngày thơ.

Khi thấy me kêu : rõ gái lười,
 Chỉ chăm trang điểm đề đi chơi.
 Nhưng me vẫn phải nhìn âu yếm,
 Con gái me cùng lớn cả đôi.

Đêm nay cũng lại đêm ba mươi
 Chị đã cùng em lặng ngậm ngùi.
 Dọn án thờ me và chị nhớ
 Đôi đầu khăn trắng thắt ngang thôi!

Đêm ba mươi tết một năm xưa,
 Chị đã cùng em dọn án thờ
 Chị đã cùng em ngồi khóc mẹ,
 Khóc ngày êm ấm buổi ngày thơ.

Đêm nay cũng lại đêm ba mươi,
 Trước án thờ me chị ngậm ngùi,
 Hương khói một mình, em sớm đã
 Theo chồng xum họp chốn xa xôi!

(Hương xuân, 1943)

*

Nàng tiên

Đó là một hình dung trang kiều diễm
 Cửa trần gian mờ tưởng tự ngàn xưa.
 Khi bình minh sương trêu cánh hoa tơ
 Nghìn sông suối tràn tuôn dòng ánh sáng.
 Khói đã cuốn những mảnh hồn lơ lửng
 Gió đem về tất cả ánh hương xa.
 Khi hoàng hôn sương lấp loáng dương tà.
 Trăng lệ bóng bên mảnh tơ liễu biếc
 Lá úa rụng đầy quang đường như tiếc
 Với lòng hồ tràn ngập ý băng khuâng.
 Họ đợi nàng đem tiếng trúc cao nâng
 Những cảm giác nhiệm màu lên phơi phơi.
 Tiếng trúc ấy khi lừng lơ bên sườn núi
 Nương gió chiều xa lướt những thanh âm.
 Khi chơi vơi trên những áng mây van
 Va trầm lắng trong tâm hồn thương nhớ.
 Nhưng gặp nàng riêng có người nghèo khổ
 Những tiểu phụ mục tử chốn hoang vu
 Những đêm buồn theo rồi ánh trăng lơ
 Cùng chán nản trở về lầu trống trải ;
 Họ thường được nghe những lời từ ái
 Của lòng thương tha thiết tặng cơ han
 Mà người đời đem kẻ trong văn chương
 Như những chuyện tình duên trong diễm tượng.
 Tuy họ biết trong khoảng trời vô lượng
 Với muôn nghìn thanh sắc quyến mê say.
 Tâm tình nàng man mác như gió mây
 Vượt qua hết muôn cõi lòng rộng rãi.

(Hương xuân, 1943)

*

Sớm hè

Chuông dậy reo vang gác giáo đường,
 Rặng đèn ngơ ngác tắt trong sương
 Vài ba xe sớm qua như gió
 Đường rặng dần lên mỗi quãng đường.

Nhà mở dần ra các cửa then,
 Hàng hàng tủ kính nhạt tia đèn.
 Những nàng con gái chưa son phấn,
 Ước oải ra ngồi giữa lũ em.

Chim chóc bay truền vào phố vắng,
 Chòm cây lấp loáng nắng pha sương.
 Từng anh, tù trọc đầu soi nắng,
 Nhất chồi dài theo dọc vệ đường.

(Trích trong tập Thị thành)

Trong lúc đường lên bao rộn rã,
 Sen hồng từng gánh mát hương tươi.
 Có cô trò nhỏ đi thông thả,
 Nhớ một ao quê ngập nắng trời.

*

Nắng

Phố rải trang trang nhựa chảy đường,
 Từng làn bụi trắng tỏa như sương.
 Ngựa xe rộn rịp vào chen nắng,
 Tủ kính hàng ai chói bóng gương.

Ve núp cành xanh ngốt tiếng kêu
 Liễu xa không chút gió buông chiều
 Chòm xoan ngùn ngụt rồi hoa jẻ,
 Khắp mái nhà cao nắng lợp đều.

Hồ thăm trời xanh nước loáng gương
 Mây xa, dây thép đứng chẳng đường
 Êm êm phố vắng cây đàn lữ thứ,
 Nắng lọt cành thưa nháy nhót tường.

Ga vắng mênh mông chẳng bóng người
 Chân trời vương chút khói xa xôi
 Từng con đường sắt dài trong nắng
 Mơ một toa tàu chở gió khơi.

(Hương xuân, 1943)

*

Nhớ dài

Tàu đi trong bóng hoàng hôn,
 Đường dài sương tối, khói đồn mây đen,
 Gió bay sầm sập máy rền,
 Hoa than phấp phới, hoa đèn ai trông ?

Này đây cầu lạnh lòng sông,
 Này đây quán vắng giữa đồng mênh mang...
 Trông không dây chợ bên đàng,
 Âm u vài lũy tre làng xa xa...
 Dặm dài... ga lại rồi ga,
 Ánh đèn điện trắng, hay là bình minh ?
 Nhớ ai ai có nhớ mình ?
 Trăng cao một mảnh chung tình đưa nhau.

Một đêm trên tàu Nam
 (tuần báo Thanh niên, số 26, ngày 26-2-1944)

